

T, ngày 06 tháng 9 năm 2024.

Số: 07/2024/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Điều 351; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; 91; 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C

Trụ sở: Đ, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP C. Địa chỉ: Số X, phường T2, Quận Y, Thành phố Hồ Chí

Minh. (Văn bản ủy quyền số 382/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 31/3/2023)

Người đại diện theo pháp luật của VAMC: Ông Lê Đình L – Tổng Giám đốc.

Người nhận ủy quyền của ông L: Ông Nguyễn Văn H – chuyên viên xử lý
nợ. (Văn bản ủy quyền số 173/UQ-AMC ngày 07/11/2023)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972

Trú tại: Thôn G, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Là đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn H2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hiệp: Bà Nguyễn Hải Y –
Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Y.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn G, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1950

Trú tại: thôn X, xã T2, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T:

Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1973

Ông Nguyễn Đình L2, sinh năm 1976

Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1978

Ông Nguyễn Đình T3, sinh năm 1984

Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1988

Đều trú tại: Đội X, thôn X, xã T2, huyện T, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1988

+ Anh Nguyễn Đình P, sinh ngày 11/01/ 2007 . Người đại diện theo pháp
luật của anh P là ông Nguyễn Đình T3.

+ Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1981

+ Anh Nguyễn Minh H3, sinh ngày 09/3/2006

Đều trú tại: Đội X, thôn X, xã T2, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, ông T2, ông L, ông Đ, bà Th, ông T3, anh P, bà N2, ông T4 là bà Bùi Thị Y – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH A. Anh Nguyễn Minh H3 ủy quyền cho bà Bùi Thị Y.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số 02-KD/2011/HĐTD ngày 01/6/2011; Hợp đồng tín dụng số 04-KD/2011/HĐTD ngày 30/6/2011 đã ký kết:

Ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/8/2024 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, số tiền nợ cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 02-KD/2011/HĐTD ngày 01/6/2011, số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2024 là 2.713.560.937 đồng, trong đó nợ gốc: 919.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.234.532.686 đồng, nợ lãi quá hạn: 560.028.251 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 04-KD/2011/HĐTD ngày 30/6/2011, số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2024 là 2.639.413.010 đồng, trong đó nợ gốc: 894.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.191.651.167 đồng, nợ lãi quá hạn: 553.761.843 đồng.

Tổng cộng là 5.352.973.947 đồng; trong đó nợ gốc là: 1.813.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 2.426.183.853 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.113.790.094 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2024, ông Nguyễn Văn H2 phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ông Nguyễn Văn H2 cam kết thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP C theo lộ trình trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 06/10/2024 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 06/11/2024 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 06/12/2024 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh

toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 5.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 06/01/2025 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 10.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 06/02/2025 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 10.000.000 đồng trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 06/3/2025 ông Nguyễn Văn H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền nợ gốc và lãi (tính đến ngày 29/8/2024) còn lại là 5.317.973.947 đồng và số tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi ông Nguyễn Văn H2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 02-KD/2011/HĐTD ngày 01/6/2011; Hợp đồng tín dụng số 04-KD/2011/HĐTD ngày 30/6/2011 đã ký kết thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 01, diện tích 662m² tại địa chỉ: thôn Xâm Động, xã Vân Tảo, huyện T, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 844347, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số 00876 QSDĐ/1519 QĐ.H2001 do UBND huyện T cấp ngày 21/12/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đình D; Ngày 09/5/2011 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T đính chính: Trang 2 giấy chứng nhận QSD đất ghi “hộ ông Nguyễn Đình D” đính chính đúng “ông Nguyễn Đình D” theo biên bản họp gia đình ngày 06.5.2011 đã được UBND xã chứng thực. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 3840/2011/TC, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/5/2011 tại Phòng công chứng số 6 thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Văn H2 và những người đang sinh sống, quản lý tài sản thế chấp tại thời điểm xử lý tài sản có trách nhiệm bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài

sản, công trình gắn liền với đất trên thửa đất số 242, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ thôn X, xã T2, huyện T, TP Hà Nội nêu trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn H2 đối với Ngân hàng TMCP C. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H2 chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.658.000 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP C số tiền 56.572.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016191 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đoàn Lan Hương